**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

**TRƯỜNG MẦM NON 12**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 3 LỚP CHỒI 2**

**Từ 3/ 3 đến 31/ 3 /2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** | **NỘI DUNG CHỦ ĐỀ** | **DỰ KIẾNTHỜI GIANTHỰC HIỆN** | | | | |
| **SH** | **GH** | **VCTL** | **HĐNT** | **MLMN** |
| **1/ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | | | | | | |
| ***Phát triển vận động*** | | | | | | | |
| - Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi :  - Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh | **Tay:** | |  |  |  |  |  |
| + Động tác 4: Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) |  | **TDS** | **X** |  |  |  |
| **Lưng, bụng, lườn** | |  |  |  |  |  |
| Động tác 4: ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau |  | **TDS** | **X** |  |  |  |
| **Chân:** | |  |  |  |  |  |
| + Động tác4: Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chổ. |  | **TDS** | **X** |  |  |  |
| ***Bật*** |  |  |  |  |  |  |
| Bật tách khép chân |  | **TDS** | X |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Trẻ thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế và các tố chất trong vận động.  2.1. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động | Bước đi liên tục trên ghế thể dục đầu đội túi cát |  |  |  |  |  |  |
| - |  |  | X |  |  |  |
| *2.3. Trẻ phối hợp tay – mắt trong vận động* | Tung, ném, bắt bóng:  Ném trúng đích 1 tay, chạy 10m |  |  | x |  | x |  |
| Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp |  |  |  |  | x |  |
| 2.4. Trẻ thể hiện nhanh mạnh, khỏe trong thực hiện bài tập tổng hợp. | Nhảy lò cò 3m |  |  |  | x |  |  |
| 3. Trẻ thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay-mắt  3.2. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động | - Gập giấy |  |  |  |  |  |  |
| - Tô, vẽ hình  Vẽ thuyền trên biển |  |  |  |  |  |  |
| ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | | | | | | | |
| 2.Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.  2.1. Trẻ Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở | ***-*** Gấp quần áo , gọn gàng |  |  | x |  |  |  |
| 2. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe  3.1. Trẻ Có một số hành vi tốt trong ăn uống | ***- Khi ăn không đùa nghịch, không làm đổ rơi vãi thức ăn.*** |  |  |  |  |  |  |
| 2.Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.  2.1. Trẻ Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở | Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. |  |  |  |  |  |  |
| 2. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe  3.1. Trẻ Có một số hành vi tốt trong ăn uống | Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe |  |  |  |  |  |  |
| 3.2. Trẻ Có một số hành vì tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở | Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt… |  |  |  |  |  |  |
| 4. Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh  4.1. Trẻ Nhận ra và tránh đồ vật nguy hiểm  4.2. Trẻ Nhận ra những nơi nguy hiểm không được chơi gần | Nhận ra những nơi nguy hiểm không được chơi gần như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước … |  |  |  |  |  |  |
| **2/ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | | | | | | |
| ***Khám phá khoa học*** | | | | | | | |
| Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.  1.2. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, ngữi, sờ, nếm..để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | Đặc điểm, công dụng, của một số PTGT |  | X |  |  |  |  |
| ***Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** | | | | | | | |
| 1.5 Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu. | - Phân loại các PTGT theo 1-2 dấu hiệu. |  |  | x |  |  | x |
| Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán  1.Trẻ nhận biết số đếm, số lượng  1 .1 Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “bao nhiêu?”; “là số mấy? | Hứng thú tham gia các hoạt động đếm số lượng, chữ số ở lớp. |  |  |  |  |  |  |
| 1.3. Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | So sánh thêm bớt trong phạm vi 5 |  |  |  |  |  |  |
| 1.6 .Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. | Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày ( số nhà, biển số xe…) |  |  |  |  |  |  |
| 5. Trẻ nhận biết vị trí không gian và định hướng thời gian  4.1 Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | Xác định vị trí phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới của bản thân |  |  |  |  |  |  |
| ***Khám phá xã hội*** | | | | | | | |
| 1.3 Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình( Số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại(nếu có),…khi được hỏi, trò chuyện. | - Địa chỉ nhà: số nhà, phường,.. |  |  | X  X |  |  |  |
| **3/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | | | | | |
| ***Nghe*** | | | | | | | |
| Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày  1.1 Trẻ có thể thực hiện 2,3 yêu cầu liên tiếp | - Thực hiện 2,3 yêu cầu liên tiếp |  | X |  |  |  |  |
| 1.2 Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát | giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác |  |  |  |  |  |  |
| ***Nói*** | | | | | | | |
| Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày  2.2 Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm… | Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |  | X |  |  |  |  |
| 2.7 Trẻ có thể bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | - Đóng kịch |  |  | X |  |  |  |
| 2.8 Trẻ có thể sử dụng các từ như: “mời cô”; “ mời bạn”; “ cảm ơn”; “ xin lỗi”… trong giao tiếp. | - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong giao tiếp. |  |  | X |  |  |  |
| ***Làm quen với việc đọc – viết*** | |  | | | | | |
| Trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết  3.1 Trẻ biết chọn sách để xem | - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “ đọc truyện ” |  |  | X |  |  |  |
| 3.2 Trẻ mô tả được các hành động của các nhân vật trong tranh | - Xem tranh, mô tả hành động nhân vật trong tranh |  | X |  |  |  |  |
| 3.3 Trẻ có thể cầm sách đúng chiều và giở đúng trang để xem tranh ảnh “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. |  |  |  |  |  |  |
| 3.4 Trẻ có thể nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm | - Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống ( nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ.) |  |  |  |  |  |  |
| **4/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI** | | | | | | | |
| ***Phát triển tình cảm*** | | | | | | | |
| Trẻ Thể hiện được ý thức về bản thân  1.1. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ | - Tên bố, tên mẹ. |  |  |  | X |  |  |
| . |  |  |  | X |  |  |
|  |  | X |  | X |  |  |
| 2.2 Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | Mạnh dạn tự tin trong sinh hoạt, giao tiếp, mạnh dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người |  |  |  |  |  |  |
| 3.2. Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên | Biểu lộ trạng thái, cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi , hát, vận động, vẽ, nặn, xếp |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Phát triển kỹ năng xã hội*** | | | | | | | |
| 4.1. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. | Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà |  | X |  |  |  |  |
|  |  | X |  |  |  |  |
| 4.5. Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật…).  Trẻ Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác , thân thiện, quan tâm, chia sẽ. | - Trao đổi ý kiến của mình với các bạn  - Quan tâm, giúp đỡ bạn. |  |  |  |  |  | X |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | | | | | | |
| 1. Trẻ Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẽ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật  1.1.Trẻ thể hiện được sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng | - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát,bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các SV, HT trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. |  |  | X |  |  |  |
| 2.4 Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | -- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra các sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. |  |  |  |  |  |  |
| 3.2 Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |